

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST

Ngày 30-01-2026.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Năm và ông Nguyễn Hoàn Đại

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa (Cơ sở 2) xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 261/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/01/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; CCCD số 038194006392. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn S, xã H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Lê Xuân T, sinh năm 1994; CCCD số 038094002816. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Địa chỉ: Thôn S, xã H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2025, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H1 trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Xuân T tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa) cấp ngày 21/01/2014. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong gia đình luôn căng thẳng

không nói chuyện được với nhau, mặc dù ở chung trong một nhà nhưng mỗi người ở mỗi phòng không ai quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng dần nứt. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T thực sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con: Chị và anh T có ba con chung là Lê Xuân Tuấn A, sinh ngày 20/4/2014; Lê Xuân Tuấn T1, sinh ngày 19/10/2016 và Lê Gia H2, sinh ngày 18/10/2020. Nguyên vọng của chị là được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con là Lê Xuân Tuấn T1 và Lê Gia H2, giao cháu Lê Xuân Tuấn A cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, vì cháu Tuấn A cũng có nguyên vọng được ở với bố. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Lê Xuân T nhiều lần đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị H1 nhưng anh T không đến. Tòa án đã liên lạc với anh T qua điện thoại yêu cầu anh T đến Tòa án làm việc nhưng anh T cố tình không đến gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do đó Tòa án đến gia đình giao các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không ký nhận nên đã giao cho người thân anh T là bà Nguyễn Thị L (Mẹ anh T). Theo bà Nguyễn Thị L cho biết anh T và chị H1 kết hôn năm 2014 do UBND xã H (cũ) cấp đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn được một thời gian thì anh T và chị H1 ở tại thôn S, xã H cũ, sau đó chị H1 đi nước ngoài làm ăn, anh T ở nhà nuôi con. Năm 2025 chị H1 về nước và làm đơn ly hôn anh T, bà không biết nguyên nhân mâu thuẫn là gì, nhưng khi anh T nhận được thông báo của Tòa án anh T có nói cho bà biết, do anh T không muốn ly hôn mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên không đến Tòa án để giải quyết, hơn nữa anh T đi làm công ty nên xin nghỉ rất khó khăn, bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ nuôi con. Anh T và chị H1 có ba con chung trong thời gian chị H1 đi nước ngoài làm ăn anh T ở nhà chăm sóc các con. Hiện tại cả ba cháu đang ở chung với chị H1, anh T tại thôn S, xã H. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho bà L, bà L nhận và có trách nhiệm giao lại cho anh T được biết.

Biên bản xác minh tham khảo ý kiến của cơ quan Nhà nước về nguyên nhân phát sinh tranh chấp của vợ chồng trong vụ án hôn nhân gia đình ngày 08/12/2025 tại xã H, tỉnh Thanh Hóa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Lê Xuân T có đăng ký kết hôn do UBND xã H, huyện H (N là xã H), tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 21/01/2014. Sau khi cưới vợ chồng chị H1 sinh sống tại thôn S, xã H, sau đó chị H1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh T ở nhà chăm sóc con, gần đây chị H1

về và vợ chồng mâu thuẫn với nhau nên chị H1 làm đơn ly hôn anh T. Do chị H1 không báo cáo các đoàn thể và chính quyền địa phương về nguyên nhân mâu thuẫn nên không tổ chức hòa giải, khi chị H1 làm đơn ly hôn cũng không gửi đến thôn và xã mà gửi trực tiếp đến Tòa án để giải quyết.

Về con chung: Chị H1, anh T có ba con chung là Lê Xuân Tuấn A, sinh ngày 20/4/2014; Lê Xuân Tuấn T1, sinh ngày 19/10/2016 và Lê Gia H2, sinh ngày 18/10/2020. Hiện nay các cháu đang ở với chị H1, anh T.

Về sự có mặt của Anh Lê Xuân T và chị Nguyễn Thị H1: Anh T, chị H1 có đăng ký thường trú tại thôn S, xã H, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay cả hai đều đang có mặt tại địa phương.

Nay chị Nguyễn Thị H1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Xuân T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của cháu Lê Xuân Tuấn A trình bày: Cháu có nguyện vọng ở với bố, cháu Lê Xuân Tuấn T1 có nguyện vọng ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị H1 được ly hôn anh Lê Xuân T.

Về con: Giao cháu Lê Xuân Tuấn A cho anh Lê Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao hai cháu Lê Xuân Tuấn T1 và Lê Gia H2 cho chị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên có quyền qua lại thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thị H1 không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu giải quyết tài sản, công nợ nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H1 khởi kiện ly hôn anh Lê Xuân T có nơi cư trú tại xã H, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Lê Xuân T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã H (nay là xã H), tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 21/01/2014, như vậy hôn nhân giữa chị H1 và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H1 và anh T: Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng trầm trọng, không ai quan tâm đến nhau, tình cảm không còn chị H1 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Xuân T.

Quá trình giải quyết vụ án anh T không hợp tác làm việc do đó cũng không thể hiện ý chí nguyện vọng của anh T như thế nào, Tòa án đã thông báo qua điện thoại cho anh T được biết nội dung về việc chị H1 làm đơn ly hôn đối với anh, nhưng anh cũng không đến Tòa án làm việc, như vậy cũng có thể xác định anh T cũng không quan tâm đến cuộc hôn nhân này của mình, bỏ mặc không có mong muốn để vợ chồng trở về đoàn tụ thông qua công tác hòa giải tại Tòa án. Vợ chồng không ai quan tâm đến nhau, hai bên cũng không có biện pháp để khắc phục tình trạng hôn nhân, chị H1 nay có nguyện vọng ly hôn. Thấy rằng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H1 là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay.

[3] Về con: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Lê Xuân T có ba con chung là Lê Xuân Tuấn A, sinh ngày 20/4/2014; Lê Xuân Tuấn T1, sinh ngày 19/10/2016 và Lê Gia H2, sinh ngày 18/10/2020.

Quá trình giải quyết vụ án chị H1 đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Lê Xuân Tuấn T1 và Lê Gia H2, giao cháu Lê Xuân Tuấn A cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì cháu có nguyện vọng ở với bố. Mặc dù anh Lê Xuân T không có ý kiến về việc nuôi con, tuy nhiên cháu Lê Xuân Tuấn A có nguyện vọng được ở với bố là anh Lê Xuân T. Do đó giao hai cháu Lê Xuân Tuấn T1 và Lê Gia H2 cho chị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Xuân Tuấn A cho anh Lê Xuân T trực tiếp chăm sóc

nuôi dưỡng là phù hợp. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ: Chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thanh Hóa đã triệu tập anh Lê Xuân T nhiều lần đến Tòa án để tiến hành các thủ tục tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thông báo qua điện thoại cho anh T được biết và tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân của anh T, người thân đã cam đoan giao các văn bản của Tòa án cho anh T nhưng anh T vẫn cố tình không đến Tòa án để làm việc, chị H1 có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ vào Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải.

Ngày 29/01/2026, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa đã đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa có mặt chị Nguyễn Thị H1, nhưng anh Lê Xuân T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa và thông báo đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai vào ngày 30/01/2026. Quyết định hoãn phiên tòa đã được gửi cho anh T. Tại phiên tòa anh T vẫn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Xuân T là đúng theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H1.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H1 được ly hôn anh Lê Xuân T.

Về con: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Lê Xuân T có ba con chung là Lê Xuân Tuấn A, sinh ngày 20/4/2014; Lê Xuân Tuấn T1, sinh ngày 19/10/2016 và Lê Gia H2, sinh ngày 18/10/2020.

Giao cho anh Lê Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Xuân Tuấn A; giao cho chị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Lê Xuân Tuấn T1 và Lê Gia H2.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0003200 ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lê Xuân T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 4- Thanh Hóa
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Hoàng Thanh, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Cao Thị Nga